

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ “ TRƯỜNG MẦM NON”

(Số tuần TH: 3 tuần; Từ ngày 8 tháng 9 đến ngày 26 tháng 9 năm 2025)

STT	Độ tuổi	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục		Hoạt động giáo dục
			Chung	Riêng	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất					
a) Phát triển vận động					
1	3	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: hô hấp; tay; lưng, bụng, lườn; chân. - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay,kiềng chân) - Lưng, bụng, lườn: + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. + Cúi người về trước	Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau - Chân: Bật tách chụm chân tại chỗ	- HĐH: Tập BTPTC: + HH: Thổi bóng bay; Thổi nơ. Tay: Đưa 2 lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay; nắm, mở bàn tay, quay cổ tay, kiềng chân); Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau - Lưng, bụng, lườn:
2	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh		` Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau trên đầu).	Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái; Cúi về phía trước - Chân: Bật tách chụm chân tại chỗ; Bật, đưa chân sang ngang.
3	5	Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp		Chân: ` Bật, đưa chân sang ngang.	-Hoạt động chơi: Thổi bóng bay, thổi nơ
4	3	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi kiềng gót liên tục 3m.	- Đi kiềng gót.		* Hoạt động học: - Đi kiềng gót; Đi khụy gối TCVĐ: Chạy cùng bóng lăn "TCTV : Lăn bóng, sọt đựng bóng "
5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi khụy gối	- Đi khụy gối		

6	5	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi khụy gối			
10	3	Trẻ có thể phối hợp tay-mắt trong vận động: Lăn bóng với cô	- Tung bóng lên cao và bắt. Chuyền bóng Tung bóng	- Lăn bóng với cô.	* Hoạt động học: - Lăn bóng với cô; Tung bóng lên cao và bắt bóng. TC: Quả bóng nảy - HĐ chơi: TC mới: Chuyền bóng, tung bóng
11	4	Trẻ có khả năng phối hợp tay- mắt trong vận động: Tung bóng			
12	5	Trẻ có khả năng phối hợp tay- mắt trong vận động:Tung bóng lên cao và bắt bóng			
13	3	Trẻ có thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập Bò theo hướng thẳng,	- Bò (theo hướng thẳng, bằng bàn tay và bàn chân 3-5 m)		* Hoạt động học: - Bò theo hướng thẳng; Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-5 m. TC: Mèo và chim sẻ
14	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-5 m. .			
15	5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-5 m.			
16	3	Trẻ có thể thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau	- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay.		- HĐchơi: - Góc XD "Xây trường lớp mầm non, xây công viên của bé" TCTV; Đu quay, cầu trượt, bập bênh, xích đu - Góc tạo hình: Vẽ tô màu, làm sách, tranh về trường lớp mầm non. - Thực hành: Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.
17	4	Trẻ có khả năng thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay. - Gập giấy.		
18	5	Trẻ có khả năng thực hiện được các vận động: Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.		
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					

25	3	Trẻ có khả năng biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	` Nhận biết một số món ăn quen thuộc.		- Hoạt động chơi: Góc phân vai: Cho trẻ tập một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.. TCTV: Thái rau, băm thịt, vo gạo, nấu chín..
26	4	Trẻ có khả năng nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	` Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.		
27	5		` Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.		
31	3	Trẻ có thể thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. -Tháo tất, cởi quần, áo....		` Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	- HĐ ăn, vệ sinh, lao động: Thực hành: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng, súc miệng. Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định... - TCTV: Rửa tay, lau mặt, súc miệng
32	4	Trẻ có khả năng thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	* 3-4-5 Tuổi: ` Làm quen cách/tập/tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. ` Tập/rèn luyện tạo tác/tập	.	
33	5	Trẻ có khả năng thực hiện được một số việc đơn giản: ` Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng ` Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. ` Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch	luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng. - Giữ gìn vệ sinh thân thể; Tiết kiệm nước * 4-5 tuổi: ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định	` Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	
37	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở:	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày		- HĐ ăn: Thực hành: Trẻ mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.
38	4	Trẻ có một số hành vi tốt	và lợi ích của ăn uống đủ chất đủ		

		trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.	lượng. - Trước khi ăn phải mời, ăn từ tốn, ăn hết xuất, khi ăn không làm rơi vãi	
39		Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.		
54	5	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	- Không chơi ở những nơi không an toàn đến tính mạng. - Nhận biết những hành động nguy hiểm đến tính mạng - Xem phim TYVN: Thế giới kẹo mút, đi xe đạp như người lớn, truyện tranh e book: Cùng chơi trốn tìm	- Hoạt động chơi: Góc phân vai: Lớp học cho trẻ xem 1 số tranh tự ý đi chơi, leo trèo..., góc gia đình. - Chơi ngoài trời: Thực hành: Tránh những hành động nguy hiểm đến không leo trèo cây, tường rào... - Xem phim TYVN: Thế giới kẹo mút, đi xe đạp như người lớn, truyện tranh e book: Cùng chơi trốn tìm

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

57	3	Trẻ có thể làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng DDĐC - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1,2,3 dấu hiệu. - Sử dụng đồ chơi, đồ dùng, điện, nước của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. Tìm đúng đồ dùng đồ chơi; Tặng quà cho bạn.	- HĐC: Trải nghiệm: Gieo hạt + Làm đồ chơi từ phế liệu. - Làm đồ chơi từ giấy
62	4	Trẻ có khả năng làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh		
67	5	Trẻ có khả năng làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so		

		sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển...		
70	3	Trẻ có thể phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.		- HĐH: KPKH đồ dùng đồ chơi của bé. - Phân loại đồ dùng đồ chơi.
71	4	Trẻ có khả năng phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.		" TCTV: Hộp bút, búp bê, khăn mặt" - HĐC:
72	5	Trẻ có khả năng phân loại các đồ dùng, đồ chơi theo những dấu hiệu khác nhau về hình dáng, màu sắc, chất liệu ...		TC mới: Tìm đúng đồ dùng đồ chơi
73	3	Trẻ có thể nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của đồ dùng, đồ chơi		- HĐH: KPKH: Tìm hiểu về lớp học và đồ dùng đồ chơi của bé
74	4	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi: trường, lớp MGG, công việc của các cô bác trong trường, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi...	- Mối liên hệ đơn giản về công việc của các cô bác trong trường, đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc.	- HĐC: Sử dụng đồ chơi nấu ăn, xây dựng, lắp ghép...
75	5	Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng: cách sử dụng, công dụng của đồ dùng, đồ chơi.	.	
78	3	Trẻ có khả năng thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình về trường MN	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề trường mầm non, hoạt động sáng tạo bằng các nguyên vật liệu khác nhau. - Chơi đoàn kết, không tranh dành đồ dùng đồ chơi	- HĐ chơi: + Góc ÂN: Hát Ngày vui của bé + Góc Tạo hình: Tô màu, vẽ làm sách về trường MN
79	4	Trẻ có khả năng thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi,		

		âm nhạc và tạo hình về trường MN		
80	5	Trẻ có khả năng thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình về trường MN		

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

81	3	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	` Đếm trên đối tượng/đếm trong phạm vi (5; 10) và đếm theo khả năng.	- Một và nhiều	- HĐ chơi: Góc học tập.Củng cố kỹ năng đếm trong phạm vi 5, 10 và đếm theo khả năng. - HĐH: Toán: Nhận biết 1 và nhiều, nhận biết số 1; Ôn nhận biết số lượng, chữ số trong phạm vi 5
82		Trẻ có thể đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5			
84	4	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...			
85		Trẻ có khả năng đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.			
87	5	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...			
88		Trẻ có khả năng đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng			

c) Khám phá xã hội

126	3	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	* 3,4T: ` Tên lớp mẫu giáo/địa chỉ của trường, lớp *3,4,5T:	- HĐ học: KPXH: Tìm hiểu về trường mầm non thân yêu của bé Tìm hiểu về lớp học đồ dùng đồ chơi của bé - HĐC: Trò chơi: Thi nói nhanh Đóng vai: Bác cấp
127	4	Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	` Tên và công việc của cô giáo (4,5T: và các cô bác trong trường)	
128		Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên	` Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp/Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn/Đặc điểm, sở	

		trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường	đường, cô giáo, bác sĩ.
129		Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- <i>Những thiên tai thường xảy ra ở khu vực trường.</i> - <i>Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai.</i> - <i>Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường</i>	
130		Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		
131	5	Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		
132		Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.		
136	3	Trẻ có thể kể tên một số lễ hội: ngày khai giảng, tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.		- HĐC: Xem tranh, vì deo về ngày 2/9 + Trò chuyện về ngày khai giảng
138	4	Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước: Ngày quốc khánh 2/9; ngày khai giảng năm học mới 5/9	
140	5	- Trẻ kể được tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội: Ngày quốc khánh 2/9; ngày khai giảng năm học mới 5/9...		
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
145	3	Trẻ có thể hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi; quần áo, đồ chơi, lớp học, bàn ghế ...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	- HĐH: KPKH: Tìm hiểu về lớp học, đồ dùng đồ chơi của bé. - HĐC: Đóng vai Người bán hàng, mua hàng, cô giáo, công nhân xây dựng...
146	4	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: đồ dùng học tập, đồ chơi, lớp học, bàn ghế ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công cụ của đồ dùng, đồ chơi	

147	5	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, lớp học, bàn ghế...)	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.	TCTV: bác sĩ, nấu ăn; xây dựng Thực hành: Đặt câu hỏi: Bác mua gì?, Người bán hàng phải làm gì? Khi mua hàng người mua hàng phải làm gì...
151	3	Trẻ có khả năng nói rõ các tiếng Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng được tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.	` Phát âm các tiếng (của tiếng việt; có chứa các âm khó; có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu)	
153	4	Trẻ có khả năng nói rõ để người nghe có thể hiểu được.		
155	5	Trẻ có khả năng kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. - Trẻ dân tộc có thể kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được bằng tiếng việt.		
157	3	Trẻ có khả năng sử dụng được câu đơn, câu ghép, về trường Mầm non	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn (câu đơn mở rộng: câu đơn ghép)	
158	4	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định về trường Mầm non		
159	5	trẻ biết dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh về trường Mầm non	- Sử dụng các câu đơn, câu ghép khác nhau	
163	3	Trẻ có khả năng đọc thuộc bài thơ : Cô giáo của em, ca dao, đồng dao dung dăng dung dẻ.	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè về chủ đề trường mầm non	HD Học: - Đọc thơ: Cô giáo của em
164	4			TCTV: Xếp hàng, nghiêm trang, đi đều

165	5	- Trẻ có khả năng đọc biểu cảm bài thơ " Cô giáo của em - Đồng dao: dung dăng dung dẻ.		bước, viết chữ - Đồng dao: Dung dăng dung dẻ
167	3	Trẻ có thể kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.(Chuyện Nếu không đi học)	- Kể lại (một vài tình tiết truyện đã được nghe, kể lại truyện đã được nghe., kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.) - Chăm chỉ đi học, ngoan ngoãn nghe lời cô giáo	* HĐH: Chuyện: Nếu không đi học TCTV: Ngộ độc, nông nổi, đồng danh
168	4	Trẻ có thể kể lại truyện có mở đầu và kết thúc. chuyện: Nếu không đi học		
169	5	Trẻ có khả năng kể lại truyện đã được nghe theo trình tự nhất định (Truyện Nếu không đi học)		
188	4	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	* 3,4,5T: Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra vào, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	- HĐ Vệ sinh, lao động: Thực hành đi vệ sinh đúng nơi quy định(kí hiệu nam, nữ) + Thực hành: Nhận ký hiệu ở góc chơi, khăn mặt, cốc....
189		Trẻ nhận ra được ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, ...		
192	5	Trẻ có khả năng nhận dạng và phát âm đúng chữ cái o, ô, ơ	- Nhận dạng các chữ cái o, ô, ơ	+ HĐ học: Làm quen chữ cái o,ô,ơ + HĐC: TC với chữ cái., tìm bạn, ghép chữ
193		Trẻ có khả năng tô đồ theo các nét o, ô, ơ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới	- Tập tô, tập đồ các nét chữ o, ô, ơ	+ HĐ học: Tập tô chữ cái o,ô,ơ. - HĐC: tô, xếp chữ
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				
194	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	Tên, tuổi, giới tính	- HĐH, HĐC: Trò chuyện với trẻ. Điểm danh
195	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.		
196	5	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.		

202		Trẻ biết vị trí và trách nhiệm của trẻ trong lớp học.		- Vị trí và trách nhiệm của trẻ trong lớp học.	
206	3	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản khi được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.		- HĐ lao động vệ sinh: Thực hành: Trục nhật, kê bàn ghế, lấy và cất đồ dùng đồ chơi. - Dạy kỹ năng: Sắp xếp đồ dùng đồ chơi
207	4	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trục nhật, dọn đồ chơi...)			
208	5	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao: Trục nhật, kê bàn ghế, lấy và cất đồ dùng học tập.			
209	3	Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi tức giận, ngạc nhiên xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ giọng nói của người khác		- HĐC: Trò chơi: Tôi vui hay buồn. Đóng vai: Cô giáo, bác sĩ, bán hàng - Dạy kỹ năng: Biểu đạt cảm xúc
210	4	Trẻ nhận biết cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.			
211	5	Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ... qua tranh <i>nhận biết thái độ, hành vi</i> qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.			
224	3	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, ...	* 3, 4, 5T: Một số quy định ở lớp và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). * Giữ gìn đồ dùng, đồ chơi		- HĐH: PTKNXH - Thực hiện một số quy định ở trường lớp - TCTV: Sắp xếp, ngăn nắp, quy định, - HĐ ăn, ngủ, lao động vệ sinh: Thực hành vệ sinh, giờ ăn, ngủ, sinh hoạt hàng ngày.
225	4	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp : Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.			

226	5	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, <i>có trách nhiệm</i> , không làm ồn nơi công cộng, Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. Không leo trèo cây, ban công, tường rào...		
230	3	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe ý kiến của người khác - Chú ý lắng nghe, quan tâm chia sẻ đến mọi người.	Hoạt động học, hoạt động chơi, hoạt động lao động vệ sinh Chú ý lắng nghe, quan tâm chia sẻ đến mọi người.
231	4			
232	5	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác		

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

252	3	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc: Đi học, Ngày đầu tiên đi học, Em yêu trường em	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau về chủ đề Trường MN	HDH: Âm nhạc NDTT: NN-NH: Đi học (ÂN đa văn hoá) - VD: Vui đến trường. TCAN: Ai nhanh nhất
253	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc Đi học, Ngày đầu tiên đi học, Em yêu trường em		
254	5	- Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc Đi học, Ngày đầu tiên đi học, Em yêu		

		trường em		
255	3	Trẻ có khả năng hát tự nhiên, hát được giai điệu bài hát: Đu quay	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát trong chủ đề Trường MN	* HĐH: Âm nhạc - NDTT: Hát: Đu quay, NDKH: NH: Ngày đầu tiên đi học. TCAN: Ai nhanh nhất - HĐH: Biểu diễn âm nhạc: NH: Em yêu trường em. TC: Ai nhanh nhất.
256	4	Trẻ có khả năng hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát Đu quay qua giọng hát		
257	5	- Trẻ có khả năng hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát "Đu quay" qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...		
266	3	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẽ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của bức tranh vẽ lớp học của bé	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẽ đẹp của tác phẩm nghệ thuật trong chủ đề trường MN	- HĐH: Tạo hình - Vẽ lớp học của bé (M) + HĐC: Thực hành: Vẽ, tô màu.
267	4	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẽ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của tranh vẽ lớp học của bé		
268	5	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẽ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của tranh vẽ lớp học của bé		
272	3	Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo	` Sử dụng một số kỹ năng/ sử dụng các kỹ năng/ phối hợp các	+ HĐ học: Vẽ lớp học của bé (Mẫu)

		thành bức tranh đơn giản về lớp học	kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ 5T: bố cục	- HDC: Trẻ sử dụng các kỹ năng vẽ chân dung cô giáo.
273	4	Trẻ có khả năng phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh Vẽ lớp học của bé có màu sắc và bố cục.	- Yêu quý, nghe lời cô giáo	
274	5	- Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh: Vẽ lớp học của bé có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.		
281	3	Trẻ có khả năng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	` Sử dụng một số kỹ năng/ sử dụng các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ 5T: bố cục	- Hoạt động góc: Góc xây dựng: Xây trường MN; lắp ghép đồ dùng đồ chơi: Ngôi nhà, bàn ghế
282	4	Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		
283	5	Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.		
284	3	Trẻ có khả năng nhận xét được các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình: Vẽ lớp học của bé; về màu sắc, hình dáng, bố cục.	HĐ học: Vẽ lớp học của bé (M)
285	4	Trẻ có khả năng nhận xét được các sản phẩm tạo hình Vẽ lớp học của bé về màu sắc, hình dáng.		
286	5	Trẻ có khả năng nhận xét các sản phẩm tạo hình Vẽ		

		lớp học của bé; về màu sắc, hình dáng, bố cục		
288	4	- Trẻ có khả năng nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	- HĐ học: Vẽ lớp học của bé; - HĐC: Thiết kế đồ chơi tặng bạn.
289	5			
Tổng: 105 MT (Trong đó: Bé: 31 MT; Nhỡ: 36 MT; Lớn: 40 MT)				

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

XÁC NHẬN CỦA BAN GIÁM HIỆU

Hà Thị Hường